

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 3 năm 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Đèo Văn Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L T T, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

Bị đơn: Anh L V H sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị L T T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị L T T và anh L V H đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2006 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân theo chị T là do anh H nghiện ma túy, chị đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh H không từ bỏ được. Do đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chị còn bị chồng đe dọa. Anh chị đã ly thân được 02 năm nay, thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai. Hiện nay tình cảm của chị đối với anh H đã hoàn toàn hết, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung, tên là L V Đ, sinh ngày 14/12/2008 và L T K L, sinh ngày 25/9/2013. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L, anh H sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của pháp luật và triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có yêu cầu gì.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Công an xã B, xác minh đối với trưởng bản A, Ủy ban nhân dân xã B, xác minh đối với mẹ đẻ anh H, xác minh đối với mẹ đẻ của chị T xác định: Chị T sinh ngày 20/9/1991. Vợ chồng chị T đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau từ năm 2006. Sau khi về chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị thỉnh thoảng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy mặc dù anh H đã đi cai nghiện tập trung nhưng chị T và anh H vẫn mâu thuẫn. Chị T và anh H sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay, sau khi ly thân thì các con ở cùng anh H và ông bà nội, chị T vẫn thường xuyên quan tâm, chăm sóc các con và có thời gian đưa đón con gái về bên gia đình nhà mình để chăm sóc. Hiện tại anh H đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương, anh H cũng không khai báo tạm vắng tại địa phương, anh H vẫn thỉnh thoảng liên lạc và về lại địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản cho anh H nhưng đã làm thủ tục niêm yết tại địa phương theo quy định, tuy nhiên anh H cũng không đến Tòa án giải quyết theo giấy triệu tập của Tòa án, không có yêu cầu phản tố.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu L V Đ và cháu L T K L. Nguyện vọng của cháu Đ sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng bố, cháu L muốn ở cùng mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L T T, xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L T T và anh L V H. Về con chung: Giao cháu L V Đ cho anh L V H và cháu L T K L cho chị L T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L T T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh L V H. Tại thời điểm chị T gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì chị T không xác định nơi ở của anh H ở đâu do anh H cố tình giấu địa chỉ, không cho ai biết địa chỉ cụ thể của anh ở đâu. Chị T chỉ xác định được nơi cư trú cuối cùng của anh H là tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Do vậy đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L T T, sinh ngày 20/9/1991 và anh L V H sinh ngày 17/10/1988 đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2006, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Tuy nhiên, đây là hôn nhân không hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 do tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Thuận 15 tuổi, anh Hợp 18 tuổi đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn vi phạm về điều kiện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân do anh H nghiện ma túy, đã phải đi cai nghiện tập trung, chị T nhiều lần khuyên can nhưng anh H

không từ bỏ được, dẫn đến vợ chồng cãi vã, đe dọa nhau. Chị T và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay và không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu L V Đ, sinh ngày 14/12/2008 và cháu L T K L, sinh ngày 25/9/2013. Hiện tại các cháu đang ở cùng anh H và ông bà nội, chị T sau khi ly thân vẫn thường xuyên quan tâm chăm sóc, giáo dục con chung. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị T muốn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L đến khi đủ 18 tuổi. Nguyện vọng của cháu L muốn được ở cùng mẹ. Cháu Đ hiện ở cùng bố và ông bà nội nhận được sự chăm sóc của bố và ông bà nội, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng bố. Do đó, để đảm bảo sự chăm sóc, giáo dục tốt nhất cho các cháu Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu L cho chị T, cháu Đ cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Chị T và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị L T T và anh L V H.

Về con chung: Giao các cháu L V Đ sinh ngày 14/12/2008 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và cháu L T K L, sinh ngày 25/9/2013 cho chị L T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H và chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị T và anh H tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L T T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà chị Thuận đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001250 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đường sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá